TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/DS – ST
Ngày: 11-5-2018
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đê

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 8 thôn P, xã T, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Ngọc N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 5 đường N, khu phố 2, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu phố 4, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 Ông Phùng Công Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 5 đường N, khu phố 2, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Tháng 01 năm 2017, bà H có cho bà Vũ Thị Ngọc N vay tổng cộng số tiền 27.000.000 đồng, làm 3 đợt, cụ thể ngày nào không nhớ chính xác. Lần đầu, bà N vay 10.000.000 đồng có làm giấy "Đơn vay vốn"; lần 2 vay 5.000.000 đồng; lần 3 vay 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 27.000.000 đồng.

Số tiền bà N vay lần 2 và lần 3 thực tế đã nhận 17.000.000 đồng nhưng viết giấy tay "Đơn vay vốn" với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng do bà tính cả liền lãi suất. Các lần bà H giao tiền cho bà N đều có bà T chứng kiến. Bà N sau khi nhận tiền của bà H thì cố tình lẩn tránh, không trả nợ đúng như thỏa thuận. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền thực tế đã nhận của bà là 27.000.000 đồng. Bà H xác định khi giao dịch với bà N thì giao tiền trực tiếp cho bà N, không liên quan đến cH bà N là ông Phùng Công Đ. Bà H tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Vũ Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Công Đ:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N, ông Đ đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Vào tháng 01 năm 2017 (thời gian gần Tết Nguyên đán), bà T đã 3 lần chứng kiến việc bà H cho bà N vay tiền. Cụ thể: Lần 1: bà N vay bà H 10.000.000 đồng; Lần 2: bà N vay bà H 5.000.000 đồng để đi chuộc hộ khẩu, CMND của bà N; Lần 3: bà N vay bà H 12.000.000 đồng tại Cảng Cái Mép, Tân Thành. Tổng cộng số tiền bà N vay của bà H là 27.000.000 đồng. Ba lần cho vay tiền, bà H viết thành 2 Giấy tay "Đơn vay vốn"; 01 Giấy ghi số tiền 10.000.000 đồng, 01 Giấy ghi số tiền 40.000.000 đồng do tính cả lãi suất. Bà N trực tiếp ký xác nhận "người vay tiền", bà H ký "người cho vay". Bà T cam đoan những chữ ký trên do bà H, bà N tự nguyện ký xác nhận, không ai ép buộc.

Theo bà được biết, việc bà H cho bà N vay tiền nhằm mục đích giao cho ông Nguyễn Tuấn K là cộng tác viên của Ngân hàng V để làm hồ sơ vay tiền của Ngân hàng vì bà H, bà N không đủ điều kiện vay. Tuy nhiên, hiện nay, ông K đi đâu không rõ, không liên lạc được. Còn việc bà N vay, nhận tiền của bà H là có thật, bà N sử dụng mục đích như trên hay không thì bà T không rõ vì chỉ nghe bà H, bà N nói lại.

Bà T xác định chỉ chứng kiến việc bà H giao số tiền 27.000.000 đồng và bà N đã nhận đủ, bà không liên quan cũng như không hưởng lợi gì từ việc vay mượn trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu cũng như quan điểm của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa có quan điểm: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại cN XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn giao cho bị đơn 27.000.000 đồng; bị đơn đã nhận đủ theo chứng cứ "Đơn vay vốn" và được bà T xác nhận. Bà N, ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H và bị đơn bà Vũ Thị Ngọc N được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Các đương sự hiện cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Vũ Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Công Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 5 đường N, khu phố 2, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Kết quả xác minh tại Công an và Ủy ban nhân dân phường thể hiện: Bà N và ông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01/2005, ngày 01/6/2005; có đăng ký tạm trú và hiện đang thực tế sinh sống tại địa chỉ trên. Bà N, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định vào tháng 01 năm 2017 có cho bà Vũ Thị Ngọc N vay tổng cộng số tiền 27.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Bà N đã nhận 3 đợt, cụ thể: đợt 1: nhận 10.000.000 đồng; đợt 2 nhận 5.000.000 đồng; đợt 3 nhận 12.000.000 đồng. Ba lần cho vay tiền, bà H viết thành 2 Giấy tay "Đơn vay vốn"; 01 Giấy ghi số tiền 10.000.000 đồng, 01 Giấy ghi số tiền 40.000.000

đồng do tính cả lãi suất, bà N trực tiếp ký xác nhận "người vay tiền", bà H ký "người cho vay". Bà H đã giao tiền và bà N đã nhận đủ số tiền 27.000.000 đồng.

Lời khai này phù hợp với lời khai của bà T là người chứng kiến và phù hợp với chứng cứ "Đơn vay vốn" do nguyên đơn cung cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc, lãi nào. Như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Bà N, ông Đ cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng , không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì, nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn, người làm chứng cung cấp để xem xét giải quyết. Do đó việc bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền gốc còn nợ 27.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà H xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà N thanh toán nợ và đề nghị không yêu cầu ông Phùng Công Đ là chồng bà N có trách nhiệm liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho bà H theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Vũ Thị Ngọc N.

1. Buộc bà Vũ Thị Ngọc N trả cho bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc xác định ông Phùng Công Đ – chồng bà N không liên quan đến số nợ này và không yêu cầu ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả số nợ trên cho bà H.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy H về việc yêu cầu bà Vũ Thị Ngọc N trả tiền lãi suất từ ngày 18/01/2017 đến ngày khởi kiện là 8.910.000 đồng do bà H rút yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Ngọc N phải nộp 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền 898.000đ (Tám trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

TU/2016/0007506 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố Bà Rịa;
-Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung